

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07-02-2023
“V/v ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bắc
2. Bà Nguyễn Thị Phi Khanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhó - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Cao Thảo Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 641/2022/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2023/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Thu H, sinh năm 1996

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: 1198 Trường Ch, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Chỗ ở hiện nay: 57/30 Lê Đức T, quận Gò V, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1992

Địa chỉ: 71/184 Tôn Thất T, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 9 năm 2022, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lê Thị Thu H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn V tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai vào ngày 14/12/2017. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên

cãi nhau do anh V có quan hệ với người phụ nữ khác, thường xuyên vay nợ của xã hội đen, không tập trung làm ăn, không có tiếng nói chung, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, đã được gia đình hai bên hòa giải, khuyên nhủ nhưng vợ chồng chị không hàn gắn được, đã sống ly thân 4 năm. Hiện nay không ai còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau, vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc nên không thể kéo dài cuộc sống chung với nhau được, do vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn V.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn V không có con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị và anh V không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn V mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, nhiều lần Tòa án thông báo đến hòa giải, triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, nên đã không trình bày được quan điểm của anh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo, bị đơn chưa chấp hành và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Văn V; về con chung: chị H và anh V không có con chung, tài sản chung và nợ chung: chị H không yêu cầu nên không giải quyết. Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trình bày của nguyên đơn tại đơn khởi kiện, bản tự khai, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Lê Thị Thu H yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1992, trú tại: 71/184 Tôn Thất T, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án về “Ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

[2] Nguyên đơn chị Lê Thị Thu H có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh V tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai vào ngày 14/12/2017 theo đúng quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn hôn nhân theo chị H trình bày sau khi kết hôn thì giữa chị và anh V đã bất đồng quan điểm,

thường xuyên cãi vã do anh V có người phụ nữ khác và nợ xã hội đen rất nhiều, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng vợ chồng vẫn mâu thuẫn gay gắt, chị đã về nhà mẹ chị sống từ năm 2018 cho đến nay, vợ chồng đã sống ly thân 4 năm. Bị đơn anh V mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến để tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng anh V không đến, thể hiện thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến việc tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng với chị H. Qua xác minh tại nơi cư trú của anh V thì vợ chồng anh V đã sống ly thân nhiều năm, mâu thuẫn vợ chồng thì chính quyền địa phương không biết, hiện anh V đang sống cùng cha mẹ anh. Hội đồng xét xử xét thấy chị H và anh V đã không còn chung sống với nhau, không ai quan tâm lo lắng, chăm sóc cho nhau, tình trạng hôn nhân của anh chị như vậy là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về việc nuôi con: Chị H và anh V không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thu H.

1. *Về hôn nhân*: Chị Lê Thị Thu H ly hôn với anh Nguyễn Văn V.

2. *Về án phí*: Chị Lê Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002472 ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P. Chị Lê Thị Thu H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố P;
- Chi cục THADS thành phố P;
- UBND phường Hoa Lư, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Thu